

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 18-HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 1 năm 1992

NGHỊ ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Quy định danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm và chế độ quản lý, bảo vệ

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Điều 19 của Luật bảo vệ và phát triển rừng ngày 19 tháng 8 năm 1991;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp;

NGHỊ ĐỊNH:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm quy định trong Nghị định này gồm những loại có giá trị đặc biệt về khoa học, kinh tế và môi trường, có số lượng, trữ lượng ít hoặc đang có nguy cơ bị diệt chủng.

Thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm được sắp xếp thành hai nhóm theo tính chất và mức độ quý, hiếm của chúng (có danh mục kèm theo):

Nhóm I: Gồm những loại thực vật (IA) và những loại động vật (IB) đặc hữu, có giá trị đặc biệt về khoa học và kinh tế, có số lượng, trữ lượng rất ít hoặc đang có nguy cơ bị diệt chủng.

Nhóm II: Gồm những loại thực vật (IIA) và những loài động vật (IIB) có giá trị kinh tế cao đang bị khai thác quá mức, dẫn đến cạn kiệt và có nguy cơ diệt chủng.

Điều 2. - Hội đồng Bộ trưởng thống nhất quản lý thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm trong phạm vi cả nước. Bộ Lâm nghiệp chịu trách nhiệm trước Hội đồng Bộ trưởng thực hiện thống nhất quản lý này.

Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm trong phạm vi địa phương mình theo luật pháp,

chính sách chế độ, thể lệ của Nhà nước.

Điều 3. - Nhà nước nghiêm cấm việc khai thác sử dụng thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm thuộc nhóm I. Hạn chế việc sử dụng, khai thác thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm thuộc nhóm II.

Các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang và mọi công dân có nghĩa vụ bảo vệ và phát triển thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm.

Điều 4. - Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ và đảm bảo quyền lợi cho các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ, phát triển nguồn lợi thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm.

II. CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ BẢO VỆ THỰC VẬT RỪNG, ĐỘNG VẬT RỪNG QUÝ, HIẾM

Điều 5. - Mọi diện tích rừng trong cả nước có thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm đều được xác định cụ thể trên bản đồ và trên thực địa.

Những vùng, những khu rừng tập trung nhiều thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm (cả số lượng, trữ lượng) cần được khoanh giữ, tổ chức việc quản lý, bảo vệ chặt chẽ, có nội quy và bảng niêm yết bảo vệ.

Điều 6. - Cơ quan quản lý Nhà nước về lâm nghiệp các cấp phải lập phương án, kế hoạch, tổ chức điều tra, theo dõi nắm tình hình diễn biến về số lượng, trữ lượng từng loại cây, con vật quý, hiếm; tổ chức hướng dẫn và chỉ đạo chủ rừng thực hiện việc quản lý, bảo vệ, gây nuôi, phát triển nguồn lợi này; có bản đồ sổ sách theo dõi cụ thể, chặt chẽ; tổ chức quản lý, bảo vệ những diện tích rừng có thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào quản lý.

Điều 7. - Mọi tổ chức, cá nhân khi tiến hành hoạt động sản xuất, xây dựng công trình, điều tra, thăm dò, nghiên cứu, tham quan, du lịch và các hoạt động khác trong khu rừng có thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm đã được khoanh giữ, bảo vệ, phải chấp hành nội quy bảo vệ của khu rừng đó. Nghiêm cấm chặt phá, săn bắt hoặc làm hại môi trường sống của thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm.

Điều 8. - Việc khai thác, sử dụng thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm được quy định như sau:

1. Đối với nhóm I, nghiêm cấm khai thác, sử dụng. Trong trường hợp đặc biệt cần sử dụng cây, con vật sống, sản phẩm của cây, con vật và hạt giống phục vụ nghiên cứu khoa học hoặc yêu cầu về quan hệ và hợp tác quốc tế, phải được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp.

2. Đối với nhóm II, hạn chế khai thác, sử dụng cụ thể là:

a) Cây lấy gỗ: chỉ được phép khai thác với mức độ hạn chế về chủng loại, số lượng, khu vực và được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng duyệt chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp cấp giấy phép; khi khai thác phải chấp hành đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật của Bộ Lâm nghiệp.

Những loại gỗ này chỉ được sử dụng để xây dựng các công trình đặc biệt của Nhà nước, chế biến hàng mỹ nghệ, đồ mộc cao cấp phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Cấm xuất khẩu gỗ tròn và gỗ sơ chế.

b) Các loại cây mọc tự nhiên khác: Việc khai thác phải theo kế hoạch hàng năm và được cơ quan quản lý Nhà nước về lâm nghiệp cấp tỉnh cho phép. Khi khai thác phải chấp hành đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật của Bộ Lâm nghiệp và chịu sự hướng dẫn, kiểm tra của chủ rừng.

c) Đối với động vật rừng sống hoang dã: chỉ được bẫy bắt trong trường hợp thật cần thiết như tạo giống gây nuôi, phục vụ nghiên cứu khoa học; trao đổi quốc tế về giống hoặc phục vụ những yêu cầu cần thiết khác nhưng phải được Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp cho phép.

Điều 9. - Việc khai thác, sử dụng thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm do tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn nuôi trồng được quy định như sau:

a) Đối với thực vật rừng, được khai thác sử dụng và tiêu thụ sản phẩm.

b) Đối với động vật rừng thuộc nhóm I, chỉ được sử dụng chúng với mục đích gây nuôi phát triển.

c) Đối với động vật rừng thuộc nhóm II, ngoài mục đích sử dụng gây nuôi làm giống, được sử dụng động vật sống từ thế hệ hai trở đi.

Mọi trường hợp khai thác, sử dụng thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm quy định tại điều này, chủ sở hữu phải báo cho cơ quan quản lý Nhà nước về lâm nghiệp địa phương biết để kiểm tra xác nhận.

Điều 10. - Trong trường hợp thú rừng phá hoại sản xuất hoặc đe dọa tính mạng con người thì được xua đuổi. Việc áp dụng biện pháp phòng vệ chính đáng chỉ áp dụng khi xua đuổi không có hiệu quả và uy hiếp trực tiếp đến tính mạng con người.

Điều 11

1. Trách nhiệm của chủ rừng:

Tổ chức khoanh giữ các diện tích rừng có thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm.

Lập bản đồ, sổ sách theo dõi số lượng, trữ lượng và sự diễn biến của từng loại thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm trên diện tích rừng được giao.

Xây dựng nội quy, lập bảng niêm yết bảo vệ đối với từng khu rừng và từng cây cá biệt;

Xây dựng và thực hiện phương án, kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi này trên diện tích rừng và đất trồng rừng được giao;

Kịp thời báo cáo với cơ quan chính quyền hoặc cơ quan quản lý Nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương về diễn biến tình hình thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm trên diện tích rừng, đất trồng rừng được giao.

2. Quyền của chủ rừng trong việc khai thác, sử dụng thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm trên diện tích rừng, đất trồng rừng được giao cũng như việc đối phó khi thú rừng phá hoại sản xuất hoặc đe dọa đến tính mạng con người được áp dụng theo quy định tại Điều 9, 10 và 11 của Nghị định này. Khi chủ rừng khai thác, sử dụng thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm quy định tại Điều 9 của Nghị định này, được miễn thuế tài nguyên.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. - Bộ Lâm nghiệp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này đối với các cấp, các ngành, các cơ quan, các đơn vị trong phạm vi cả nước; phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng và ban hành các quy trình, quy phạm kỹ thuật khai thác sử dụng đối với từng loại thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm; kiến nghị với Hội đồng Bộ trưởng bổ sung, sửa đổi danh mục và chế độ quản lý, bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm; định kỳ báo cho Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tình hình bảo tồn và phát triển nguồn lợi này.

Điều 13. - Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này trong phạm vi địa phương mình theo chỉ đạo chung của Bộ Lâm nghiệp.

Điều 14. - Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây về quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm đều bãi bỏ./.

DANH MỤC

THỰC VẬT RỪNG, ĐỘNG VẬT RỪNG QUÝ, HIẾM

(Ban hành kèm theo Nghị định số 18-HĐBT ngày 17-1-1992

của Hội đồng Bộ trưởng)

NHÓM I

IA - THỰC VẬT RỪNG:

Số TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Ghi chú
1	2	3	4
1	Bách xanh	Calocedrusmacrolepis	
2	Thông đỏ	Taxus chinensis	
3	Phi 3 mũi	Cephalotaxus fortunei	
4	Thông tre	Podocarpus neriifolius	
5	Thông Pà cò	Pinus Kwangtugensis	
6	Thông Đà lạt	Pinus dalatensis	
7	Thông nước	Glyptostrobus pensilis	